

Tưởng Như Giòng Sông Không Trở Lại

Nguyễn Công Khanh



Sông Sài Gòn xưa

Tôi rời Hà Nội năm 1954, khi tôi 18 tuổi. Có nhiều bài hát về Hà Nội khá hay, nhưng sau này tôi lại hay nghe ngao hát bài "Nỗi Lòng Người Đi" của Anh Bằng, vì bài hát có nhiều điểm phù hợp với tôi và trong đó có tên cả hai thành phố Hà Nội và Sài Gòn. Hát lên hai chữ Hà Nội để lãng mạn tưởng tượng là mình có một người yêu thật sự đã bỏ lại ở thành phố cũ. Nhớ đến Sài Gòn, là nhớ cả một thời tuổi trẻ hoa mộng trong một thành phố mới.

*"Tôi xa Hà Nội năm tôi mười tám khi vừa biết yêu
Bao nhiêu mộng đẹp yêu đương thành khói tan theo mây
chiều..."*

*... Hôm nay Sài Gòn bao nhiêu tà áo khoe màu phố vui
Nhưng riêng một người tâm tư sầu vắng đi trong bụi ngùi..."*

Kỷ niệm với Hà Nội là kỷ niệm của thời niên thiếu. Với Sài Gòn là lúc đi vào tuổi trưởng thành và thành phố này đã cho tôi hai kỷ niệm khi đến và khi đi khó quên.

Kỷ niệm Sài Gòn đầu tiên của tôi liên quan đến nhà văn Mai Thảo. Những ngày mới di cư vào Nam, gia đình tôi cư ngụ tại con hẻm gần nhà thờ Huyện Sĩ. Hai đầu con hẻm nối với hai đường lớn, là đường Võ Tánh và Ngô Tùng Châu. Một anh bạn thân đã chỉ cho tôi một người có bóng dáng rất văn nhân, đó là Mai Thảo. Ông ta thường xuất hiện trong những buổi sáng ở đầu hẻm trên con đường có nhà in mà tôi được biết là ông đang chăm lo cho ra đời tác phẩm đầu tay của ông, đó là cuốn *Đêm Giã Từ Hà-Nội*. Tôi đã phải lấy món tiền để dành nhỏ nhoi ra mua và nghĩ rằng nó sẽ là một kỷ niệm để đời cho mình. Tôi đọc truyện ngắn *Đêm Giã Từ Hà-nội* nhiều lần, và đến nay vẫn còn nhớ mang máng câu *"Tôi nhìn xuống nước sông Hồng đục ngầu như máu mà Hà nội đang ở dưới đó..."*. Tôi cũng rời Hà Nội như ông, cũng ngồi trong một chiếc xe vận tải lớn chở những người di cư qua cầu Long Biên trong buổi tối nửa đêm về sáng sang phi trường Gia Lâm để đáp máy bay vào Sài Gòn. Trời tờ mờ sáng, đèn vàng trên cầu mờ nhạt, nhịp xe đều đều dọc theo chiều dài của chiếc cầu, gió sông thổi vào trong xe làm mọi người se lạnh, nhưng lúc đó tôi lại thấy háo hức được ra đi và nghĩ rằng sẽ không quay lại thành phố này nữa. Tôi ngoái nhìn xuống giòng sông, nước phù sa cuộn cuộn đục ngầu và có cùng một ý nghĩ như Mai Thảo.

Kỷ niệm thứ hai là với giòng sông Sài Gòn. Như những câu chuyện tình, các nhà văn thường hay tả cảnh lần đầu hai người gặp nhau, và lần cuối họ chia tay nhau. Nếu khung cảnh đó lại là một bến sông thì câu chuyện sẽ lãng mạn và lâm ly biết bao. Chuyện của tôi với sông Saigon cũng gần như thế. Tôi đến với Sài Gòn năm 54 và rời Việt Nam năm 75 cũng từ bến sông Sài Gòn. Nhớ lại từ hồi học lớp Nhì trường Lý Thường Kiệt ở phố Sinh Từ, Hà Nội, tôi đã là một tay bơi có hạng. Trung Thu năm 1946, thành phố tổ chức một buổi tập trận trên hồ Hoàn Kiếm, giữa Nhi Đồng Cứu Quốc và Hướng Đạo. Hướng Đạo chiếm lĩnh Tháp Rùa, có những thuyền nhỏ chèo đi phá các cứ điểm của Nhi Đồng quanh hồ. Mỗi nhi đồng được lệnh chuẩn bị từng xô vỏ bưởi cắt thành từng miếng vuông đeo bên người làm vũ khí. Mỗi khi thuyền của Hướng Đạo xông vào, là hàng loạt xô vỏ bưởi được ném ra tui bụi để đẩy lui thuyền ra xa.

Lần đó tôi được tuyển vào Đội Yết Kiêu để bơi ra chiếm lại Tháp Rùa. Khoảng cách bơi gần nhất là chỗ Khai Trí Tiến Đức. Sau tiếng hô của đội trưởng, tôi nhào người ra hồ, tưởng là gần nhưng sao bơi mãi mới tới nơi. Khi đó thì toán đến trước đã đẩy lui được Hướng Đạo, và họ đã rút lui bằng thuyền. Tôi vạch bờ cỏ, lên đảo và đi xung quanh tháp, sau đó vào trong lòng tháp đứng nghỉ. Nhìn quanh không còn ai, đội của tôi xong nhiệm vụ đang bơi vào bờ. Còn một mình, tôi chợt nhớ đến cụ Rùa Hoàn Kiếm đã lấy lại gươm thần của vua Lê Lợi mấy trăm năm trước. Phải chi cụ hiện lên trong lúc này, nói với mình một tiếng thì thú vị biết bao!

Hồi chiến tranh Việt Pháp, gia đình tôi phiêu bạt hơn bốn năm trời trong vùng hậu phương trung du Bắc Việt. Tôi đã bơi qua nhiều con sông đào nhỏ, và có lần cùng bạn bơi qua ngang sông Đáy, gần ngã Vân Đình, để về trại tạm cư vì không muốn lội bộ quá xa để đến bến đò ngang. Sau này về Hà Nội, tôi lại thường bơi từ

Petit Đò Sơn ở Hồ Tây sang chùa Trấn Quốc, sang đình Nghi Tàm. Tại hồ Quảng Bá, tôi đã bơi ngang qua hồ sang đến gốc cây xoài phía bên kia.

Sau mùa hè di cư năm 1954 ngắn ngủi và bận rộn, tôi đổi sang trường Hồ Ngọc Cẩn học lớp đệ Tam. Năm học mà thường được gọi là năm ăn chơi không phải bận rộn thi cử. Tôi cũng hay về thăm lại trường Chu Văn An được đặt tạm tại khu nội trú của trường Petrus Ký, gặp lại được một số bạn cũ, và nhớ những người bạn đã ở lại. Các bạn tôi lúc đó ai cũng có xe đạp, nên sau giờ học là rủ nhau đạp xe đi khám phá thành phố mới. Cuối tuần chúng tôi đi xa hơn, mỗi người mang theo một ổ bánh mì thịt nguội hay cá hộp sardine, nước thì đựng trong bi-đông nhỏ của nhà binh. Cả bọn đạp xe qua cầu Bình Lợi đi thăm Thủ Đức, Lái Thiêu, suối Lồ Ô. Có lần đi đến tận Biên Hòa và còng lưng đạp xe leo dốc thăm ngôi chùa trên núi Châu Thới.

Một hôm, đạp xe qua Khánh Hội, rồi vòng vào Kho 5, cả bọn dựng xe và ra bến sông Sài Gòn. Lúc đó thủy triều xuống, lòng sông thu lại, những đám cỏ dại bờ bên kia trông cũng khá xa. Sông Sài Gòn hồi đó còn nhỏ hẹp, không như bây giờ đã được khơi rộng ra nhiều lần. Một anh trong bọn nảy ra ý cùng bơi qua sông. Tôi nhìn xuống giòng sông, nước ngả màu xám, lóng lánh những vết dầu loang, có ý hơi ngán ngại, nhưng cũng theo bạn ủa nhau nhảy xuống. Bơi được một quãng, ra đến giữa giòng, không ngờ nước chảy xiết, cả bọn bảo nhau cố bơi ngang và cứ để mặc cho trôi theo giòng. Nước đã đẩy chúng tôi quá xa, hơn cả hai, ba trăm thước chỗ định đến. Trước khi bơi trở về, chúng tôi đã phải đi ngược lại gấp hai lần khoảng cách trên. Lên lại được bến Kho 5, thật là hú vía, cả bọn thấy mình thật là liều lĩnh, chắc là từ nay không anh nào còn dám đùa rờn với con sông này nữa.

Sau này, mỗi kỳ hè về thăm gia đình, tôi lại có dịp bơi qua sông Hương từ chỗ bến đò trước trường Đồng Khánh với những người bạn ở Huế, nơi cha tôi đang làm việc. Nước sông Hương ngày đó trong xanh, hiền hòa lững lờ trôi, khác hẳn những con sông mà tôi đã lội qua. Giòng sông cuối cùng tôi đã bơi qua là con sông Dương Đông ở đảo Phú Quốc, khi tôi được chuyển ra đó làm việc vào khoảng đầu thập niên 60. Tôi ở đó gần ba năm không nghĩ đến chuyện xin đổi đi nơi khác. Nhiều lần, một mình tôi đã bơi từ Dinh Cậu, nơi giòng sông chảy ra biển, sang bên kia cồn cát, nơi cái xóm nhỏ mới thành lập, mà tôi đã đặt tên là xóm Bình Định cho những người dân ngoài đó trốn chiến tranh đến đảo lập cư. Có lần tôi bơi ra ngoài xa, đến tận cái cọc mố để hướng dẫn thuyền vào cửa biển, khiến một lão ông lo sợ tôi có thể bị cá mập tấn công.

Hơn hai mươi năm sống với mưa nắng Sài Gòn, học hành, gầy dựng tương lai, tôi đã có những năm tháng thanh bình cũng như xáo trộn vì tình hình đất nước. Cuối cùng, một quyết định đau lòng là phải bỏ quê hương khi người anh em từ miền Bắc xông vào cưỡng chiếm Miền Nam. Buổi chiều ngày 29 tháng 4 năm 1975, gia đình tôi và ông anh vợ là quân nhân chạy về ngôi nhà đường Trần Quý Cáp của bà chị lớn. Tôi biết lòng anh nóng như lửa vì vợ con đã rời khỏi Việt Nam từ mấy ngày hôm trước. Phi trường Tân Sơn Nhất đã bị pháo kích, bất khả dụng. Chúng tôi gần như tuyệt vọng nghĩ không tìm được đường nào thoát. Bỗng có điện thoại, anh nhắc lên nghe, rồi buông một câu ngắn gọn:

- Ra ngay bến Bạch Đằng, đi tàu hải quân!

Chúng tôi ủa ra khỏi nhà, bỏ xe của mình và cùng nhảy lên xe jeep nhà binh của anh. Tới nơi, một vòng kềm gai đã chằng ngang đường tới tận bờ sông. Lính canh ngăn chặn đám đông bên ngoài đang cố tràn vào. Anh cho xe đậu sát bờ sông, bên kia là tượng Đức Trần Hưng Đạo. Nơi có lính đứng kiểm soát. Nhìn thấy anh đeo lon Trung Tá, họ cho vào, nhưng ngăn gia đình chúng tôi lại vì là dân sự. Anh không nỡ bỏ đi, nói khó với mấy người lính rằng tôi là một quân nhân biệt phái, nhưng họ nói không dám vì sợ trái lệnh trên. Không muốn nhùng nhằng làm mất cơ hội cuối cùng đi tìm vợ con của anh, tôi bắt tay anh, hối thúc anh đi may mắn, còn gia đình tôi có thể trở về. Đám đông ngoài hàng rào cản ngày càng đông, bỗng hàng tràng súng nổ phía sau tượng Trần Hưng Đạo, sau đó hàng tràng đạn bên trong hàng rào đáp lại, mọi người chạy tán loạn. Một toán lính dù đang định tiến vào nhưng bị cản lại, nhưng may là cả hai bên chỉ bắn chỉ thiên. Hai đứa con nhỏ nhất sợ hãi, khóc ầm ỹ. Chúng tôi nghĩ nếu còn ở đây dám bị đạn lạc và quyết định lái xe về. Tôi đề máy. Xe không nổ. Đề lần thứ hai, thứ ba, xe cũng không nổ.

Lính canh sợ hỗn loạn như vụ di tản miền Trung vừa qua, họ vội giăng thêm mấy lần kềm gai rộng ra ngay đằng sau xe. Không biết tính sao, đi không được mà về cũng không xong. Súng bắn, con khóc như ri, cùng quá, tôi đành bước xuống xe, lại gần nói khó với anh trung sĩ đang giữ rào cản. Anh ta nói:

- Ra xe, nổ máy, khi tôi mở rào thì phóng xe thật nhanh vào.

Tôi nghĩ xe đã không nổ máy, làm sao đây. Tuy vậy không còn cách nào hơn là trở lại xe. Vợ tôi đang cầu nguyện Trời Phật ông bà. Tôi yên lặng ngưng thở vài giây, vừa thì thầm khẩn theo vừa thử đề máy xe, thì lạ thay, máy xe nổ, thế là gia đình tôi thoát vào được! Tuy vậy cũng còn phải trải qua nhiều gian nan vợ chồng tôi cùng năm đứa trẻ mới leo được lên chiếc chiến hạm cuối cùng đang nằm ụ chờ sửa chữa.

Hai giờ sáng, con tàu 502 có tên là Thị Nại rời bến Ba-Xoong trên chở năm ngàn người. Khi tàu đi ngang qua tượng Đức Trần Hưng Đạo, tôi thấy ngài vẫn đứng uy nghiêm, tay cầm kiếm chỉ xuống giòng sông. Tôi chợt nhớ đến lời nguyện của ngài "*Nếu không thắng giặc Nguyên, ta sẽ không trở về con sông này nữa*". Bất giác, tôi nghĩ thầm nếu không tìm được Tự Do, chắc mình cũng không thể trở lại được con sông này. Trông lên đường Nguyễn Huệ, con phố không một bóng người, đèn đêm vàng bệch như màu da của người sắp chết. Sáng 30, tàu đến được Côn Sơn, nơi tập trung của hạm đội. Qua radio nghe tiếng tướng lãnh đầu hàng như một lời báo tử. Nhìn lại phía sau, Saigon và cả miền Nam khuất dần cuối chân trời, như đang chìm sâu xuống biển. Đi chẳng được bao lâu, tàu chết máy, nằm chơi vơi giữa biển khơi, phải chờ một chiến hạm khác quay lại kéo. Bảy ngày sau tàu mới tới được Subic Bay, Phi Luật Tân. Trước khi cập bến, họ yêu cầu xóa bỏ hết các dấu hiệu của Việt Nam. Tên tàu Thị Nại 502 bị phủ một lớp sơn đen. Lá cờ vàng trên cao từ từ hạ xuống. Mọi người trên tàu đứng lên hát bài quốc ca, nước mắt nhạt nhòa. Tiếng hát theo gió tan trên biển như một bi hùng ca của những người thất trận.

Rồi chúng tôi cũng vượt qua được Thái Bình Dương, đến được lục địa Mỹ Châu, trở thành công dân Mỹ, thành người Mỹ gốc Việt. Chúng tôi lại đi xuyên qua lục địa đến tận chân tượng Nữ Thần Tự Do phía bên kia bờ Đại Tây Dương, trèo vào trong lòng tượng và leo lên tới gần bó đuốc biểu tượng của Tự Do để chắc chắn là mình đã làm trọn lời nguyện khi đi qua tượng Đức Trần Hưng Đạo tại bến Bạch Đằng năm xưa.

Chúng tôi đã trở lại với Hà Nội sau 40 năm, vì mấy người em họ khẩn cấp gọi về lo việc phân mộ. Rồi lại một lần nữa tái ngộ với Saigon khi con gái út muốn về lại quê hương Việt Nam để làm lễ thành hôn. Lớn lên trong xã hội Mỹ, con tôi đã làm chúng tôi ngạc nhiên là cô quyết định về Saigon làm lễ cưới. Trong lòng chúng tôi rất ngần ngại nhưng cũng cảm động nghe con giải thích:

- Con sinh ra ở Việt Nam thì con cũng muốn bắt đầu cuộc hôn nhân của con ở Việt Nam. Và con cũng muốn giới thiệu với chồng con đất nước, phong tục Việt Nam.

Lễ cưới được cử hành trên một chiếc thuyền rồng, biểu tượng cho đất nước Việt Nam. Con thuyền đưa khách từ bến Nhà Rồng đến Bình Quới Resort. Hôm đó, trong lời chào mừng quan khách, tôi có dịp nhắc lại chuyện xưa:

"Chúng ta đang đi trên sông Saigon, dòng sông lịch sử này đã nhắc lại cho gia đình tôi những kỷ niệm không thể quên. Nhiều năm trước, trong đêm cuối cùng trước khi Saigon thất thủ, chúng tôi cũng thoát được từ một bến không xa nơi này, trên một chiến hạm hư hỏng cũng trôi trên con sông này. Chúng tôi đã phải rời bỏ quê hương, không biết nơi đến và cũng không biết tương lai ra sao..."

Nhiều bạn ngoại quốc đã lau nước mắt và lên chia sẻ với cô dâu về sự bất ngờ họ được biết về một khúc quanh lịch sử của chiến tranh Việt Nam và lý do tại sao gia đình cô lại sống nơi hải ngoại.

Những ngày ở Saigon, tôi có dịp đưa các con đến lại chỗ mà một phép lạ đã cứu chúng tôi khỏi cơn đại nạn. Nếu không thoát, tôi sẽ bị những người anh em thù nghịch đưa đi cải tạo tù đầy điều đấng. Và là con của "ngụy", các con tôi sẽ không tránh được cảnh sống khốn cùng. Dưới tượng Đức Trần Hưng Đạo, tôi đã kể lại cho các con nghe chuyện buổi chiều ngày 29 tháng 4 năm 1975 và tôi cũng nhắc đến sự giúp đỡ của những người chúng tôi không bao giờ quên, như anh trung sĩ bộ binh đã mở rào cản cho gia đình tôi, Trung Úy Hải Quân Hùng đã giúp chở chúng tôi ra tận tàu, Trung Úy Người Nhái Trịnh Công Hiến người em nuôi đạo đức đã theo giúp săn sóc con cái chúng tôi suốt cuộc hành trình, Trung Tá Hạm Trưởng Nguyễn Văn Tấn, Trung Tá Hải Quân Phan Lạc Tiếp, thủy thủ đoàn tân lập và toán Người Nhái của chiến hạm Thị Nại 502 đã cùng điều động con tàu hư hỏng đến bến tự do, và trên hết, anh nhà tôi là Trung Tá Đặng Bá Cảnh đã mở đường cho chúng tôi khi tình thế trở nên tuyệt vọng nhất. Xin Thượng Đế phù hộ cho họ.

Saigon đã đổi mới rất nhanh. Đi xa quá lâu, về lần nào cũng thấy xa lạ, ô nhiễm và bất an. Lần vừa rồi, chúng tôi ở lại Saigon hơn một tháng. Trước ngày trở lại Mỹ, hai vợ chồng tôi đi dọc theo đường Tự Do, sang đường ra bến Bạch Đằng, tôi nhớ lại hơn nửa thế kỷ trước, gần tám trăm ngàn đồng bào từ miền Bắc đã cập bến này đi tìm tự do, nay không còn một dấu tích nào để lại. Cũng tại nơi này bao nhiêu năm trước đây, gia đình tôi đã bỏ lại chiếc xe bên đường và nhờ sự tình cờ như một phép lạ mà đến được miền đất hứa.



Chúng tôi đi ngược lên, đến dưới tượng Đức Trần Hưng Đạo, cố tìm lại chỗ của chiếc xe năm xưa. Ở đây họ đã xây một công viên nhỏ. Lúc quay về chỗ ngã ba để tìm cách sang đường Tự Do thì đứng vào giờ tan sở, xe chạy hai chiều không ngớt. Đường thì rộng, không đèn giao thông, cũng không có làn sơn dành cho bộ hành, chần chừ mãi không dám qua. Chợt nghe thấy tiếng chuyện trò vui vẻ của mấy cô gái, chúng tôi quay lại thì các cô tươi cười "Hai bác theo chúng cháu" và không đợi trả lời, hai cô đã nắm cánh tay của chúng tôi dẫn qua đường. Sang đến nơi chưa kịp nghe lời cảm ơn, các cô đã vội rảo bước ríu rít đi. Tôi bỗng nhiên thấy trong cái xa lạ, trong sự bất an, trong cái vô cảm của cuộc sống hối hả, vẫn còn cái thiện căn bản trong sáng của những người trẻ Việt Nam.

Nguyễn Công Khanh